

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỘ TUỔI GHÉP 4 - 5 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	4	Chiều cao, cân nặng cần đạt cuối độ tuổi	Cân nặng của trẻ: Trẻ trai: 14,1- 24,2 kg Trẻ gái:13,7 – 24,9 kg. Chiều cao của trẻ: Trẻ trai: 100,7- 119,2cm Trẻ gái: 99,9- 118,9 cm.		9
2	5	Chiều cao, cân nặng cần đạt cuối độ tuổi	Cân nặng của trẻ: Trẻ trai: 15,9- 27,1 kg Trẻ gái:15,3 – 27,8 kg. Chiều cao của trẻ: Trẻ trai: 106,1- 125,8cm Trẻ gái: 104,9- 125,4 cm.		9
3	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	* 4,5 tuổi: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên	- Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ - Nhún chân. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1->9
4	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Co và duỗi tay (4t: vỗ 2 tay vào nhau; 5t: hai tay đánh xoay tròn trước ngực, lên cao) - Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Quay sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải. (5t: kết hợp tay chống hông	- Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	

			hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái).		
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	* 4 -5 tuổi: - Đi khụy gối (9) - Bước xa (35-40; 40-50 cm). (4,6) - Bước nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45 cm). (7) - Bước tách, khép chân qua (5 - 7 ô). (5,9) - Bước qua vật cản cao (10 - 15 cm; 15-20cm). (6) - Nhảy lò cò (3m; 5m). (3)	- Đi bằng gót chân (1) - Đi lùi. (7) - Đi trên ghế thể dục. (2,8) - Đi vạch kẻ sàn. (8) - Bước liên tục về phía trước. (1)	1,2,3,4 ,5,6,7, 8,9
6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ		- Đi trên ván kê dốc(8) - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. (2) - Đi bằng mép ngoài bàn chân.(1) - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. (7) - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) (8) - Đứng một chân và giữ thẳng người trong	1,2,3,4 ,5,6,7, 8,9

		thăng người trong 10 giây (Bộ chuẩn)		10 giây. (9) - Bật liên tục vào vòng. (1)	
7	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	* 4,5 T: - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng), theo vật chuẩn. 3,6 - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng), theo vật chuẩn. 4,6		3,4,6
8	5	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).			3,4,6
9	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	* 4,5 tuổi: - Tung bóng lên cao và bắt. (1) - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng). (3) - Đập và bắt bóng tại chỗ. (9)	- Tung, ném bắt bóng với người đối diện.(8)	1,3,8,9
10	5	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.		- Đi và đập bắt bóng. (9) - Ném bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách 4m. (8)	1,3,8,9

11	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	* 4, 5 tuổi: - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân. (7) - Ném xa bằng 1 tay (2,6) - Ném xa bằng 2 tay (5,9) - Chạy chậm (60-80m; 100-120m). (5) - Chạy 15m -18m trong khoảng 10 giây. (7,9) - Bò đích dắc, (qua 5, 7 điểm). (4) -Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m,4-5m(1) - Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5 x 0,6m). (5,9) - Trèo lên xuống 5 - 7 giống thang. (6)	- Ném trúng đích bằng 1 tay (đích ngang). (4) - Trườn theo hướng thẳng. (2) - Bò chui qua cổng. (6) - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. (3)	1->7,9
12	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.		- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. (2,3) - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay. (4)	1->7,9
13	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy.		4
14	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.		4

15	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	*4,5T: - Cài, cởi cúc - Xé, tô - Xâu, buộc dây	- Lắp ghép hình. - Cắt đường thẳng. - Vẽ hình.	2,7,9
16	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mớ tuya)		- Lắp ráp. - Cắt đường vòng cung. - Đồ theo nét. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Kéo khóa (Phéc mớ tuya), luồn	2,7,9

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

17	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	* 4,5 tuổi: - Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc. - Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc Thái,...	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm của địa phương: Com nếp, xôi, cá nướng, rau sắn.....	2,5,6
----	---	--	---	---	-------

18	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		- Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2,5,6
19	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh;	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		5,6.
20	5	thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.		5,6
21	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	*4,5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		2,6
22	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
23	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	* 4,5tuổi: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	2,4

24		Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			4
25	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch		- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Cách sử dụng các đồ dùng khi ăn uống.	2,4
26		Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			4
27	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	* 4,5 tuổi: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		2,6
28	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã,			2,6

		ăn quà vật ngoài đường			
29	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	*4,5 tuổi: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết, lựa chọn trang phục theo thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	- Cách phòng tránh đơn giản khi ốm.	1,2,4,8
30	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. - Trẻ biết giữ đầu tóc,		- Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Nguyên nhân và cách phòng tránh khi ốm - Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	2,4,8,9

		<i>quần áo gọn gàng</i>			
31	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	*4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3,9	
32	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.		3,9	
33	4	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	*4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.	8	
34	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			
35	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không	*4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	1,3,6,9	

		tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		
36	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		1,3,6,9
37	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	*4,5 tuổi: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt. - Không theo và nhận quà từ người lạ, tránh xa người hút thuốc.	2,3,7,9
38	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn		2,3,7,9

		cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.		
39		Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	1,7
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
40	4	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về	* 4,5T: - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi và ích

		những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Các nguồn nước trong môi trường sống - Một số đặc điểm, tính chất của nước.	lợi, tác hại đối với con người. - So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - Một số hiện tượng thay đổi theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	
41	4	Biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		1,2,3,5 ,6,7,8
42		Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		6,8
43		Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		2,3,5,6 ,7,8
44		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		1,2,3,5 ,6,7,8
45	5	Thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...		6,8
46		Biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan	- So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả	1,2,3,5 ,6,7,8

		khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	
47	5	Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		- Sự khác nhau giữa mặt trời, mặt trăng - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương. - Sự nóng lên của trái đất - Các nguồn nước ở địa phương.	6,8
48		Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			2,3,5,6 ,7,8
49		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát			1,2,3,5 ,6,7,8
50	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	*4,5 tuổi: - Phân loại đồ dùng, đồ chơi (1-2, 2-3 dấu hiệu) - Phân loại một số phương tiện giao thông(1-2; 2-3 dấu hiệu)		1,3,4,5 ,6,7
51	5	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật (theo 1-2; 2-3 dấu hiệu)		1,3,4,5 ,6,7
52	4	Biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước	*4,5 tuổi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.		6,8

		ngọt/mặn hơn”.		
53	5	Biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.		6,8
54	4	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	*4,5 tuổi: - Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác như: hoạt động chơi,...	7
55	5	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		7
56	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của âm nhạc, tạo hình, hoạt động chơi.	1,4,9
57	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		1,9

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

58	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...		1,2,3,4 ,5,8,9
59		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		
60		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10		

		bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	*4,5 tuổi: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi (5, 10) và đếm theo khả năng	
61	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		1,2,3,4 ,5,8,9
62		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
63		Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
64	4	- Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	*4,5 tuổi: - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5, 10)	1,2,3,4 ,5,8,9
65	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		
66	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	*4,5 tuổi: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm; tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn (5 tuổi gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm).	2,4,5,9
67		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		
68	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.		2,4,5,9
69		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm		

		bằng các cách khác nhau.			
70	4	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	*4,5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe,...)		3,7
71	5	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.			3,7
72	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.			5
73	5	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	*4,5 tuổi - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	5
74		Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.			
75		Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp			
76	4	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	*4,5 tuổi: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo (5 tuổi: bằng các đơn vị đo khác nhau)	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	6,7,8
77	5	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.		- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	6,7,8
78	4	Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ	*4,5 tuổi: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam	3,7

		nhật...)	các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	giác, hình tròn, hình chữ nhật .	
79		Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản			3,7
80	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.		- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế.	3,7
81	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	*4,5 tuổi: - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác (5 tuổi: với một vật nào đó làm chuẩn)		2
82	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.			
83	4	Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.		8
84		Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.		8
85	5	<i>Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ</i>	- Nhận biết ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ		9
86		<i>Trẻ có thể phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày</i>	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.		4
87		<i>- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn</i>	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên		7

		giản	quan	
c) Khám phá xã hội.				
88	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	*4,5 tuổi. - Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân	2
89	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <i>-Nhận biết giới tính bản thân, hiểu biết về các bộ phận trên cơ thể, cách thức bảo vệ, có kỹ năng xử lý tình huống và cách phòng tránh nguy hiểm;</i>	2
90	4	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	*4,5 tuổi: - Họ tên, nghề nghiệp của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. <i>(gia đình người thái, khơ mú, đồ dùng đặc trưng trong gia đình của dân tộc thái, khơ mú...).</i>	3
91		Trẻ nói địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.		
92	5	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).	3
93		Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.		

94	4	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên địa chỉ của trường, lớp. tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
95		Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
96		Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
97	5	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
98		Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
99		Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		
100	4	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	*4,5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của một số nghề phổ biến. Nghề truyền thống của địa phương: (dệt thổ cẩm, đan mây tre, nghề sản xuất; gạo tám, sém cù, nhà sàn...).	4
101	5	Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."		4

102	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. Ví dụ nói: Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên... Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban...	*4,5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: Quan tâm đến lễ hội của địa phương Điện Biên như : Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, Lễ hội đền hoàng Công Chất, Lễ hội hoa ban... - Một số di tích lịch sử của địa phương: Noong Nhai, Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng	1,3,4,6
103		Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		9
104	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: Ngày hội đến trường của bé 5/9, ngày tết trung thu, tết nguyên đán, ngày 20/11, ngày hội 8/3...		1,3,4,6
105		Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước: Noong Nhai, Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng		9
106		Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.		9
			- Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

107	4	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	- Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu	4
108	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái",...	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - <i>Hiểu nội dung các câu, từ và làm theo 2, 3 yêu cầu liên tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của trẻ</i>	4
109	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công cụ và các từ biểu cảm.	1,3,5,6 ,7
110	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	1,3,5,6 ,7
111	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	* 4,5T: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai", "Cái gì", "Ở đâu", "Khi nào", "Để làm gì?". 4,8
112	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm	4,8

				bằng gì?".	
113	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó	6,7,8
114		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...			
115	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.		- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	6,7,8
116		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.			
117	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	*4,5 tuổi: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu đơn ghép, câu đơn ghép khác nhau khác nhau.		2,4
118	5	- Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...			2
119	4	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc theo trình tự.		9
120	5	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	- Kể lại sự việc theo trình tự.		9
121	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao..	*4,5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Nghe những bài hát dân ca của dân tộc, địa		1->9
122	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.			1->9

123	5	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..	phương trẻ. - Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
124	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe.	7
125	5	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	- Kể chuyện sáng tạo	7
126	4	Trẻ biết bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	*4,5 tuổi: - Đóng kịch	5
127	5	Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện.		5
128	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	*4,5 tuổi: - Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5
129	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		5
130	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1
131	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; " Thưa"; "Dạ"; " Vâng"...phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng.	1
132	4	Trẻ biết chọn sách để xem	*4,5 tuổi : - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1
133	5	Trẻ biết chọn được sách để "đọc" và xem.		1
134	4	Trẻ có thể mô tả hành	Mô tả sự vật hiện tượng tranh ảnh, có sự giúp	5

		động của các nhân vật trong tranh.	đờ	
135	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	5
136	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh, "đọc" sách theo minh họa, "đọc vệt"	*4,5, tuổi : - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	7,9
137	5	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	7
138	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 4,5T: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,7
139	5	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, biển báo giao thông...		1,7
140	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	*4,5 tuổi: - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	1,3,4,7,8
141	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng 10-15 chữ cái.	
142		Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Nhận dạng các chữ cái - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	1->9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
143	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	-Tên, tuổi, giới tính	2,3

144	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)	2,3
145	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2
146		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		
147	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.		2
148		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống khác nhau của mình với người khác. <i>- Nhận biết giới tính bản thân, hiểu biết về các bộ phận trên cơ thể, cách thức bảo vệ.</i>	2
149		Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3
150		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	3
151		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		6
152		Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	3
153	4	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...)	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác: hoạt động chơi, tạo hình...	5
154		Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức	*4,5 tuổi: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn,	2

		giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua (nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc).	
155	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		2
156	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động, (4 tuổi: vẽ, nặn, xếp hình).	2
157	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2
158		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mỗi liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. <i>- Tránh một số hành vi gây ra bạo lực học đường.</i>	3
159		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.	2
160	4	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	*4,5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ <i>- Có một số kỹ năng sống cơ bản về học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.</i>	9
161		Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
162	5	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc..).		9

163		Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			9
164	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Quan tâm đến lễ hội của địa phương Điện Biên như : Lễ hội đền hoàng Công Chất, Lễ hội hoa ban...		9
165	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, của quê hương, đất nước. - Quan tâm đến lễ hội của địa phương Điện Biên như : Lễ hội đền hoàng Công Chất, Lễ hội hoa ban... - Một vài nét văn hóa địa phương: Trang phục áo côm, khăn piêu..		
166	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	*4,5 tuổi. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.	- Phân biệt hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu". - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,3,7
167	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu".	1,3,7
168	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		1,4
169	5		- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.		1
170	4	Trẻ chú ý nghe khi cô,	*4,5 tuổi:		1,4

		bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác		
171	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			1
172	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật..)	*4,5 tuổi: - Quan tâm, giúp đỡ bạn, chia sẻ.	- Hợp tác với bạn	8
173	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			8
174	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	*4,5 tuổi: - Chờ đến lượt.		1, ⁷
175		Trẻ biết chờ đến lượt.			1, ⁷
176	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		4
177	4	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	*4,5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.		5,6
178	5				
179	4	Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa.			6
180	5	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa..).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường: Bản làng, nơi trẻ ở, trường, lớp		5,6
181	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.			5
182	5	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.			5
183	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra	*4,5T: - Tiết kiệm điện, nước.		8

		khỏi phòng.		
184	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.		8
185		<i>Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân</i>	<i>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến</i>	7

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

186	4	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	*4,5 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. (5 tuổi: thể hiện thái độ, tình cảm)	3,4,8
187		Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
188	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		3,4,8
189		Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên		

		cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
190	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	*4,5 tuổi: - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)		1 ->9
191	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- <i>Nghe nhạc dân tộc Thái, Khơ mú</i>	- Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
192	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	*4,5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - <i>Hát các bài hát tiếng Thái.</i>		1->9
193	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			1->9
194	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu,	*4,5 tuổi: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu, giai điệu của các bài hát, bản nhạc.		1->9

		múa).	- Sử dụng các dụng cụ		
195	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	gỗ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1->9
196	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		5->8
197	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.		5->8
198	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		1->9
199		Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong,và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.			3,4,5,6 ,7,8,9
200		Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết			2,3,4,5 ,6
201		Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.			4,7,8

202	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->9
203		Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		3,4,5,6 7,8,9
204		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		2,3,4,5 6
205		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		4,7,8
206	4	Trẻ biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	*4,5 tuổi: - Nhận xét các sản phẩm tạo hình, về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục.	5,7
207	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		5,7
208	4	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	8,9
209		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		
210	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).	8,9
211		Trẻ biết gõ đệm bằng		8,9

		dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		
212	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	*4,5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. 7,8
213	5			- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. 7
214	4	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	*4,5 tuổi:	3
215	5		- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	3

KÝ DUYỆT

Trần Thị Vui

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	ĐC BS
Từ ngày 8/9 đến 03/10/2025	1	Trường mầm non – Tết trung thu	Bé vui đến trường	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9- Tết trung thu	
			Cô giáo và các bạn	1		
			Đồ dùng đồ chơi	1		
			Tết trung thu	1		
Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân	Bé là ai	1		
			Cơ thể bé	1		
			Cảm xúc của bé	1		
			Bé cần gì để khỏe mạnh	1		
Từ ngày 03/11 đến 28/11/2025	3	Gia đình - Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11	Những người thân yêu của bé	1	- Ngày NGVN 20/11	
			Ngôi nhà của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
			Đồ dùng gia đình bé	1		
Từ ngày 1/12 đến 26/12/2025	4	Một số nghề - Ngày 22/12	Các nghề bé biết	1		
			Nghề xây dựng - sản xuất	1		
			Bé làm chủ bộ đội	1		
			Ước mơ của bé	1		
Từ ngày 29/12 đến 23/1/2026	5	Thế giới động vật -	Con vật nuôi trong gia đình.	1		
			Động vật sống trong rừng	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
			Côn trùng, chim	1		
Từ ngày 26/1- 27/2/ 2026	6	Thế giới thực vật	Cây xanh	1	Tết nguyên đán (1/1 âm lịch)	
			Một số loại hoa, quả.	1		
			Tết và mùa xuân			
			Một số loại rau	1		
Từ ngày 6/3 đến 27/3/2026	7	Giao thông – Ngày 8/3	Ngày hội 8/3	1	- Ngày QTPN 8/3.	
			Một số PTGT đường bộ	1		
			Một số PTGT đường thủy - hàng không	1		

			Một số quy định GT đường bộ	1		
Từ ngày 30/3 đến 17/4/ 2026	8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	Một số hiện tượng tự nhiên	1		
			Mùa hè	1		
			Sự kỳ diệu của nước	1		
Từ ngày 20/4 đến 22/5/ 2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học	Quê hương Điện Biên	1	- Sinh nhật Bác 19/5 - Tổng kết năm học	
			Đất nước	1		
			Tuần ôn 30/1-1/5			
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Trường tiểu học	1		
Tổng				35		

